TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1466/2024/DS-ST
Ngày: 29 - 7 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Linh Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Phủ

2. Ông Nguyễn Văn Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Hà - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2375/2019/TLST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2019, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 412/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn là ông A, sinh năm 1990; địa chỉ: đường N, Phường M, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh, (Có đơn đề nghị vắng mặt);

Bị đơn là Công ty B; địa chỉ: đường X, phường M, quận L, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Ông C, Giám đốc công ty; địa chỉ: đường X, phường M, quận L, Thành phố Hồ Chí Minh, (Vắng mặt);

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà D, sinh năm 1989; địa chỉ: đường N, Phường M, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh, (Có đơn đề nghị vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn trình bày: Ngày 28/10/2018, bị đơn vay nguyên đơn số tiền 150.000.000 đồng, đôi bên không thỏa thuận lãi suất và thời gian trả. Ngày 12/3/2019, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nêu trên nhưng cho đến nay bị đơn vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 150.000.000 đồng và không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi đối với số tiền đã vay.

Bị đơn là Công ty B và người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp, nhưng vẫn không có mặt tại Tòa án và cũng không có văn bản gửi cho Tòa án về ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà D trình bày: Bà là vợ của ông A. Ông A có cho bị đơn vay số tiền 150.000.000 đồng nhưng đến nay bị đơn vẫn chưa trả. Nay bà đề nghị Tòa án buộc bị đơn trả số tiền nêu trên cho ông A.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Thẩm phán xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Về tố tụng: Thẩm phán đã xác định đúng người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; Điều 144; Điều 147; Điều 184; khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166; Điều 280; Điều 357; Điều 466; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông A, buộc Công ty B trả số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Nguyên đơn là ông A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] *Về yêu cầu của đương sự:*

[3.1] Căn cứ vào giấy vay nợ (không ghi ngày tháng năm) giữa ông A và Công ty B, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định bị đơn vay của nguyên đơn số tiền 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng, đôi bên không thỏa thuận lãi suất và thời gian trả. Theo nội dung tin nhắn do nguyên đơn cung cấp thể hiện trong các ngày 12/3/2019, ngày 30/4/2019 và 13/5/2019, nguyên đơn đã thông báo về việc đòi lại số tiền vay nhưng cho đến nay bị đơn vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Vì vậy, nguyên đơn nộp đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 150.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 466, khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự 2015, nên được chấp nhận.

[3.2] Đối với tiền lãi của số tiền 150.000.000 đồng, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của nguyên đơn.

[3.3] Về thời gian trả nợ: Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, cần buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nêu trên làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 150.000.000 đồng x 5% = 7.500.000 đồng;

Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 466, khoản 1 Điều 469 Bộ Luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là ông A, buộc Công ty B phải trả cho ông A số tiền 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông A không yêu cầu Công ty B trả tiền lãi đối với số tiền 150.000.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty B phải chịu án phí là 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm ngàn) đồng;

Ông A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn lại cho số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.750.000 (Ba triệu, bảy trăm năm mươi ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0017270 ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp Quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- VKSND Q. Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Linh Phượng